CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Đất Xanh

Ngày 30/06/2025	16,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.2%	**25.1%**	**26.4%**

DT thuần
Q2/25
734
tỷ VNĐ
QoQ: ▼191| -20.6%
YoY: ▼392| -34.8%

LN thuần
Q2/25
227
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 69.0| 43.8%
YoY: ▲ 93.0| 69.5%

LN sau thuế
Q2/25
269
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 191| 243%
YoY: ▲ 175| 187%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
41.9%
YoY: +/-▲ 11.0%

ROE (TTM)
Q2/25
2.4%
YoY: +/-▲ 0.7%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,004 - 16,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,219
Số lượng CPLH (CP)	1,018,884,189
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,161,260
Sở hữu nước ngoài	22.5%
Beta	1.28
EPS	399
P/E	42.4

DT thuần
6T 2025
1,659
tỷ VNĐ
YoY: ▼532| -24.3%

LN thuần
6T 2025
385
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 114| 42.0%

LN sau thuế
6T 2025
347
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 176| 103%

Cơ cấu sở hữu

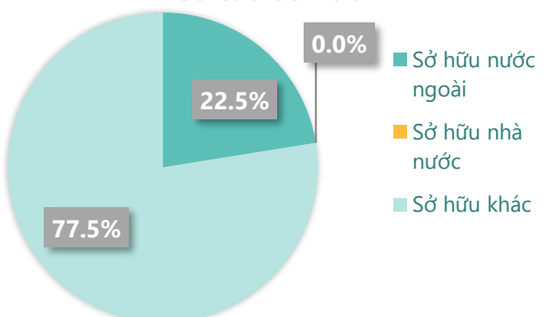

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

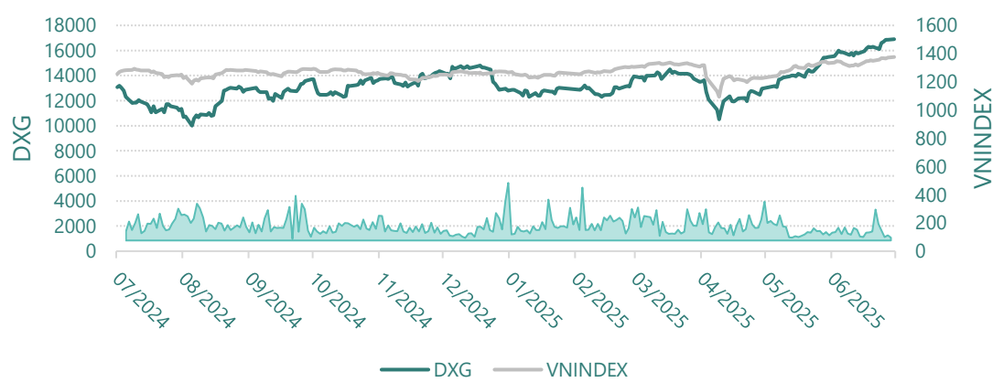

Cơ cấu cổ đông

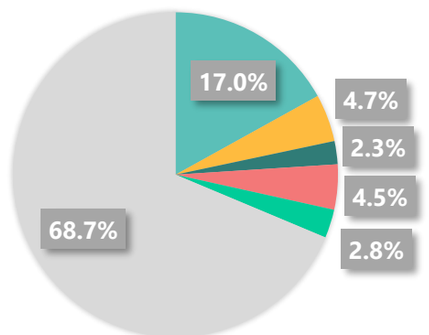

Lương Trí Thìn (Thành viên HĐQT)
Vietnam Enterprise Investments Ltd
Amersham Industries Ltd
CTCP Đầu tư NAV
KIM Vietnam Growth Equity Fund
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

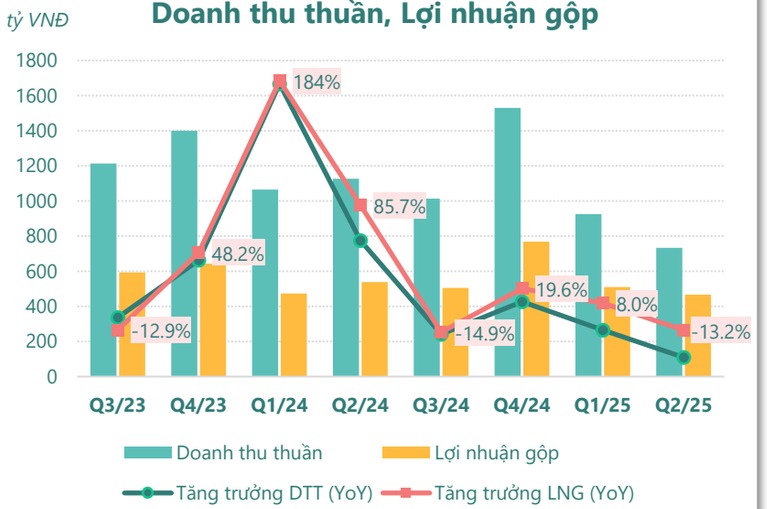

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

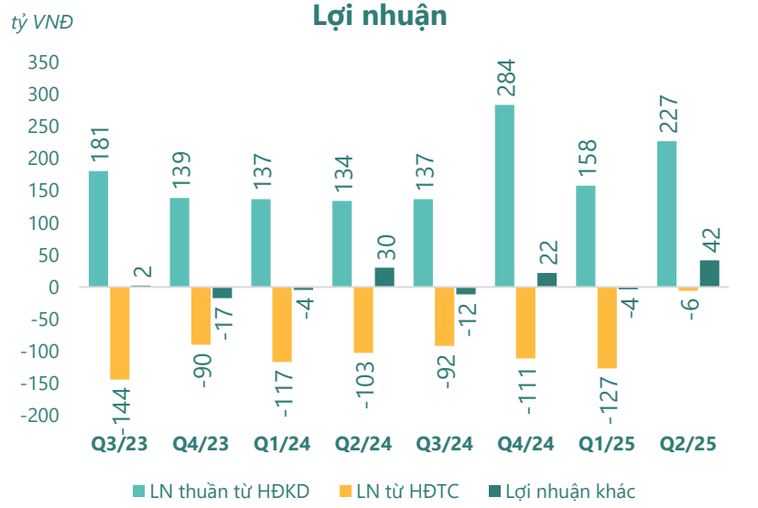

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

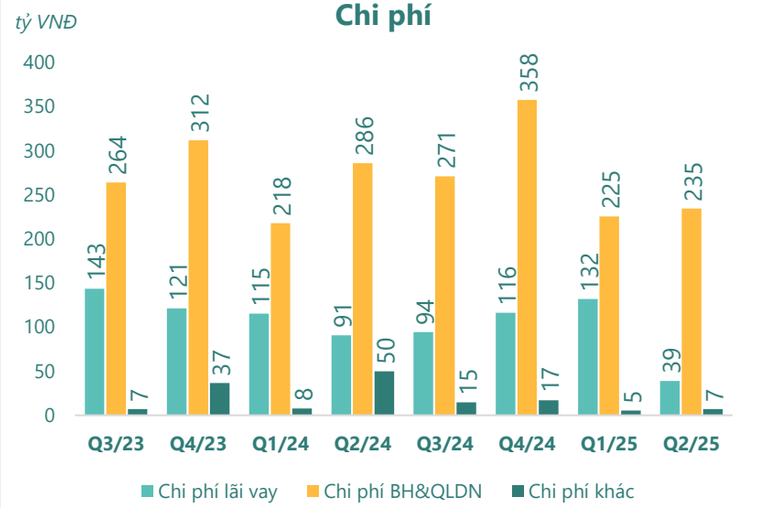

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

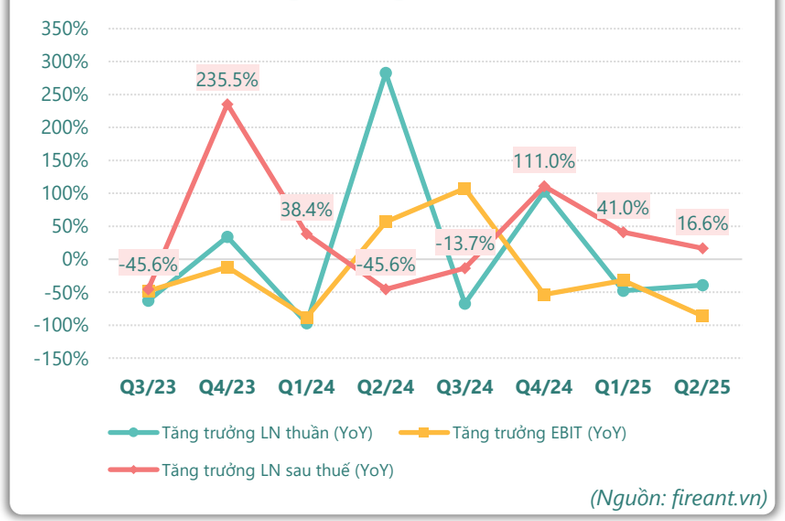

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

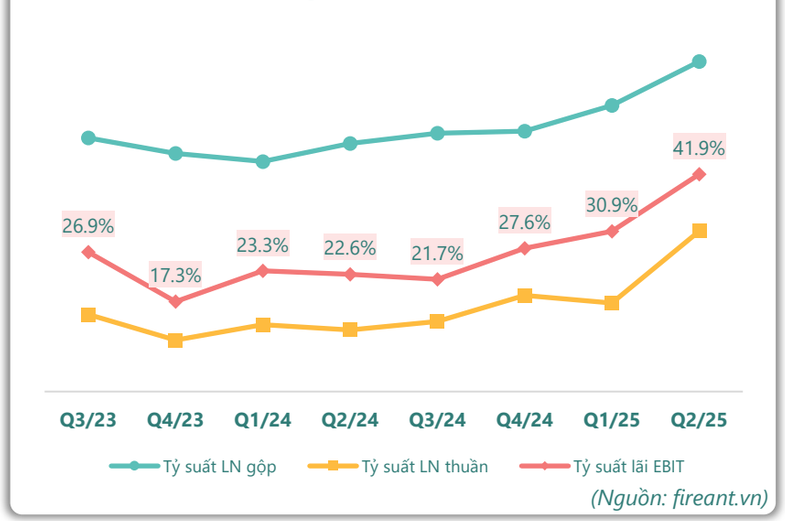

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

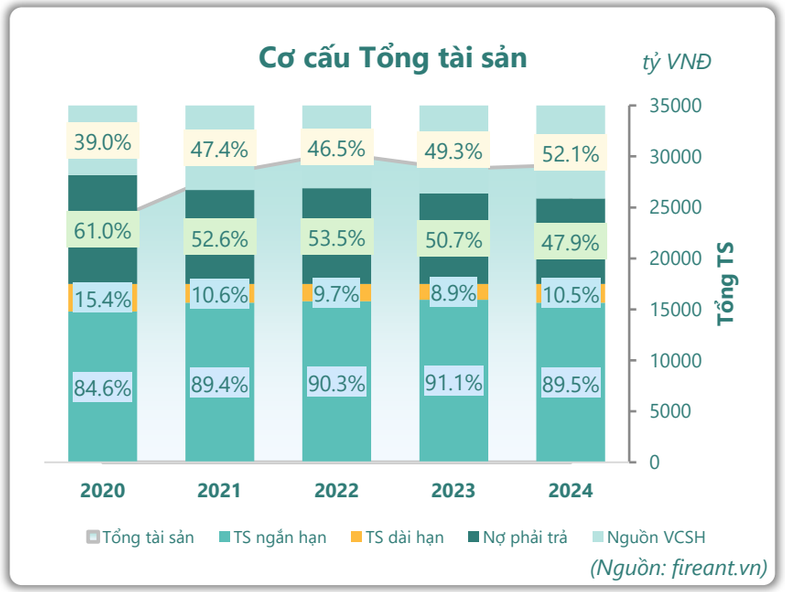

(Nguồn: fireant.vn)

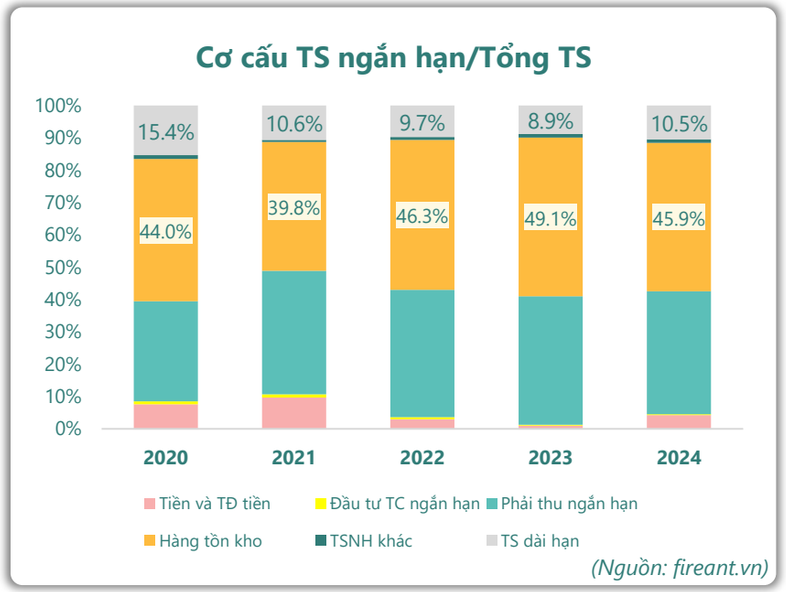

(Nguồn: fireant.vn)

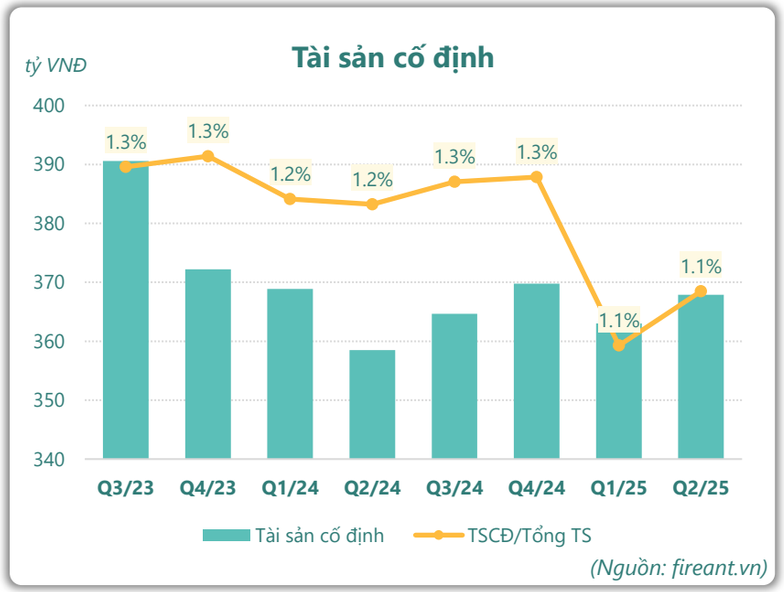

(Nguồn: fireant.vn)

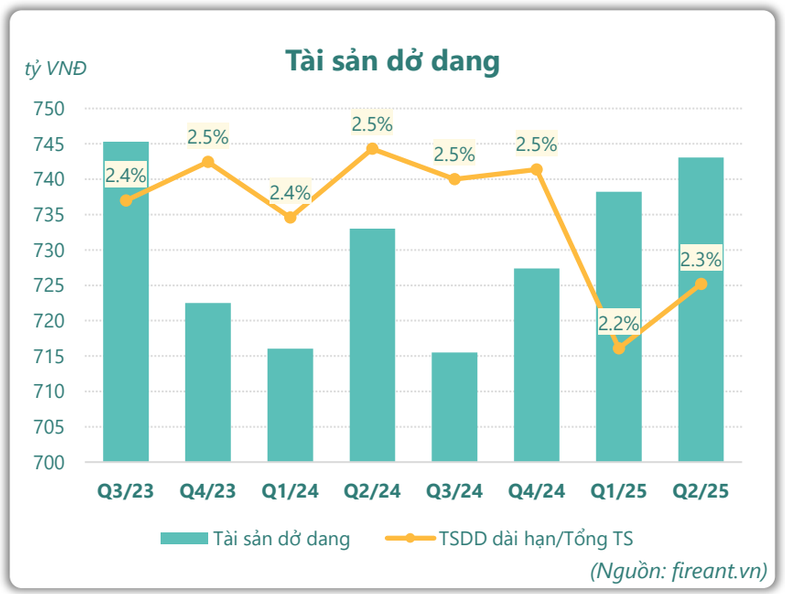

(Nguồn: fireant.vn)

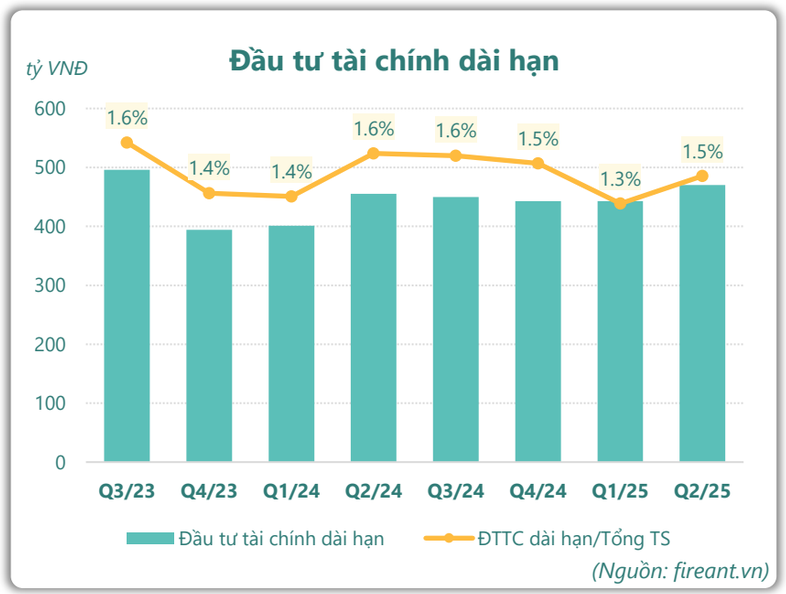

(Nguồn: fireant.vn)

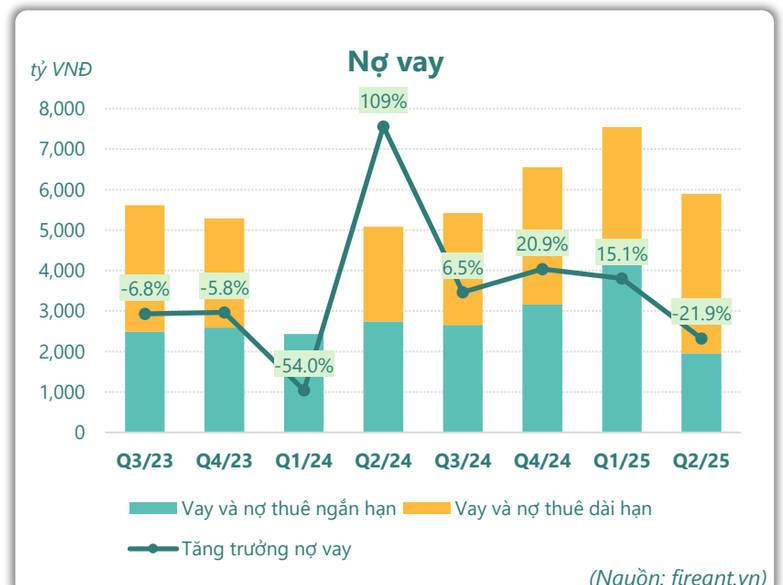

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

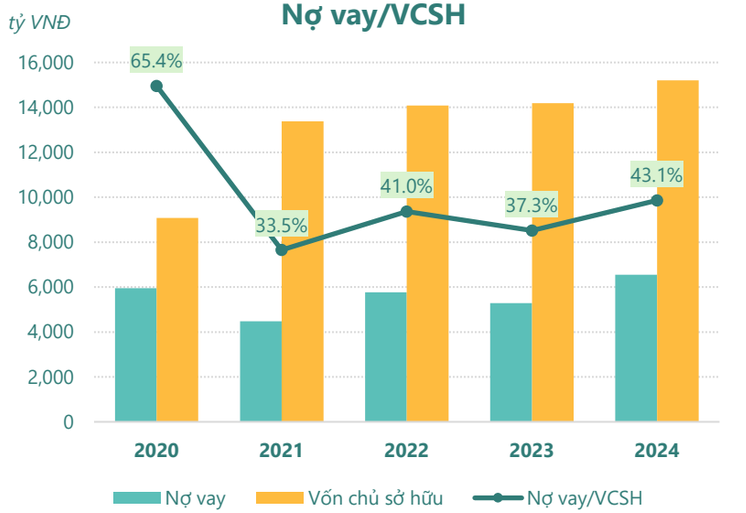

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

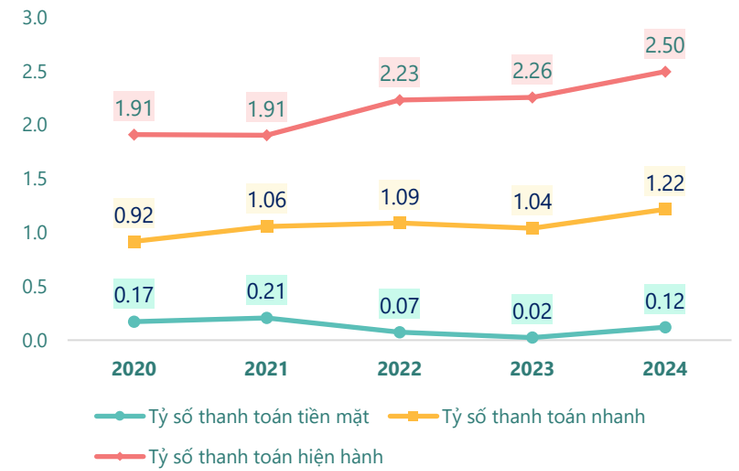

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

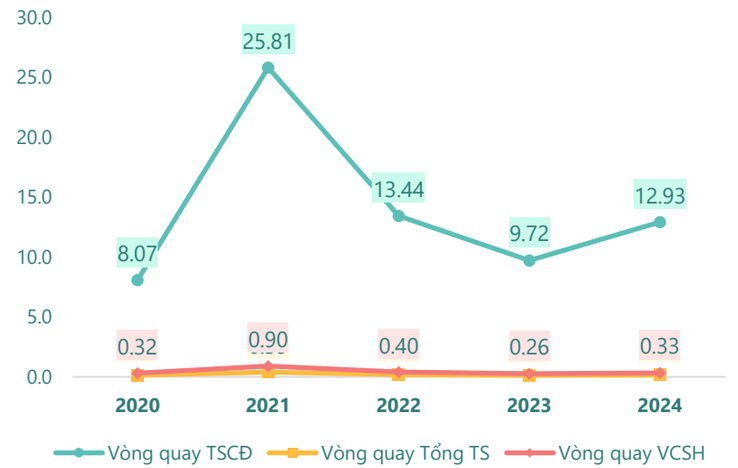

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

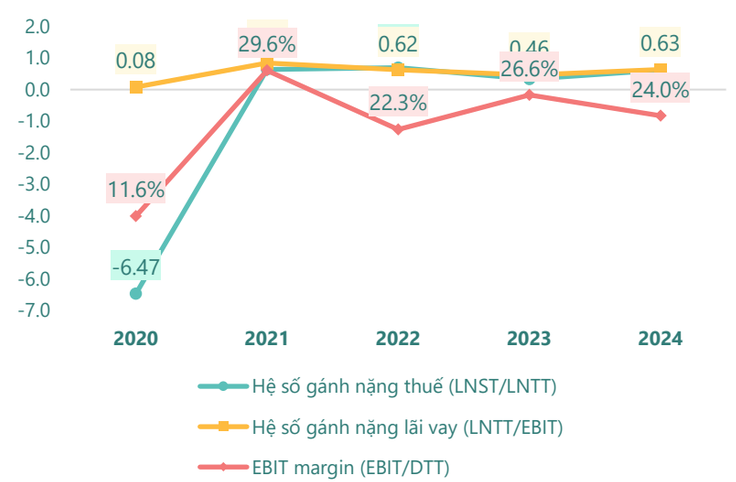

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

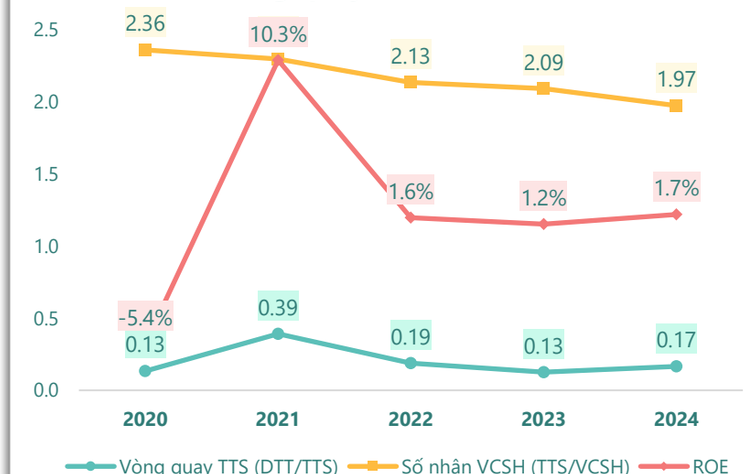

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

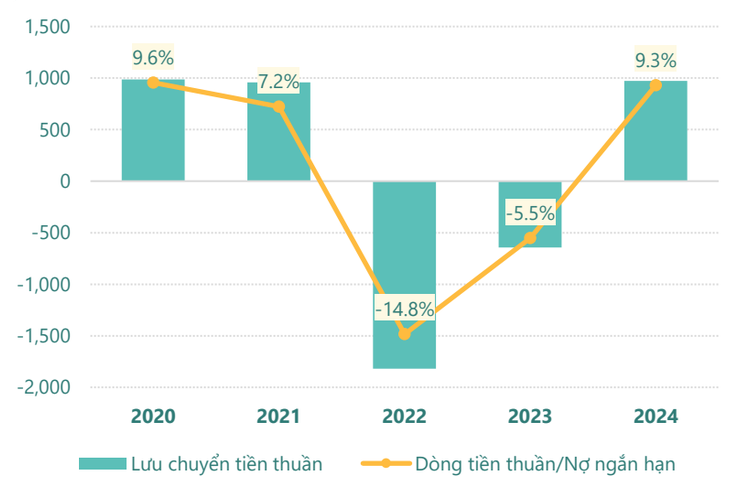

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**734**	**1,126**	**-34.8%**	**1,659**	**2,191**	**-24.3%**
Giá vốn hàng bán	267	587	-54.6%	681	1,179	-42.2%
Lợi nhuận gộp	467	539	-13.3%	978	1,011	-3.3%
Doanh thu HĐTC	37.3	4.50	728%	49.0	12.9	279%
Chi phí TC	43.0	107	-59.8%	182	232	-21.8%
Chi phí lãi vay	39.0	90.7	-57.0%	171	206	-17.2%
LN trong công ty LKLD	**0.06**	**-15.9**	**100%**	**0.09**	**-16.9**	**101%**
Chi phí bán hàng	150	212	-29.3%	296	357	-17.0%
Chi phí QLDN	**84.7**	**74.2**	**14.2%**	**164**	**147**	**11.5%**
LN thuần từ HĐKD	227	134	69.5%	385	271	42.0%
Lợi nhuận khác	**41.6**	**30.0**	**38.7%**	**38.1**	**25.6**	**49.0%**
LN trước thuế	269	164	63.9%	423	297	42.6%
Lợi nhuận sau thuế	**269**	**93.7**	**187%**	**347**	**171**	**103%**
LNST của CĐ cty mẹ	**169**	**32.9**	**415%**	**218**	**64.2**	**239%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-34.2	-427	-270	-590	1,130	-803
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.1	219	-22.9	-399	-61.9	604
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,135	-122	328	1,133	2,789	-1,636
Tiền đầu kỳ	276	1,399	1,070	1,105	1,249	5,107
Lưu chuyển tiền thuần	**1,123**	**-330**	**35.5**	**144**	**3,858**	**-1,835**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1,399	1,070	1,105	1,249	5,107	3,272

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**32,280**	**29,183**	**10.6%**
Tài sản ngắn hạn	29,150	26,133	11.5%
Tiền và tương đương tiền	3,272	1,249	162%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103	77.9	32.0%
Phải thu ngắn hạn	11,228	11,090	1.3%
Hàng tồn kho	14,230	13,406	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	316	311	1.8%
Tài sản dài hạn	**3,130**	**3,050**	**2.6%**
Phải thu dài hạn	783	804	-2.6%
Tài sản cố định	368	370	-0.5%
Bất động sản đầu tư	150	153	-1.6%
Tài sản dở dang	743	735	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	470	443	6.1%
Tài sản dài hạn khác	**511**	**427**	**19.6%**
Lợi thế thương mại	105	118	-11.1%
Nợ phải trả	13,379	13,981	-4.3%
Nợ ngắn hạn	**9,288**	**10,466**	**-11.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,955	3,230	-39.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	755	729	3.6%
Nợ dài hạn	4,091	3,515	16.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,939	3,325	18.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**18,901**	**15,202**	**24.3%**
Vốn chủ sở hữu	**18,901**	**15,202**	**24.3%**
Vốn điều lệ	10,206	7,225	41.3%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)